

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Năm 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800230817
- Vốn điều lệ: 10.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 51 Đại lộ Lê Lợi - phường Tân Sơn – thành phố Thanh Hóa
- Số điện thoại: 037 3720976
- Số fax: 037 3752035
- Website: www.sth.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa tiền thân là Phòng phát hành sách - Thư viện và tổ thiết bị giáo dục của Ty giáo dục Thanh Hóa, thành lập ngày 27/12/1983 theo Quyết định số 1412/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động sang Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 02/11/1992 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Ngày 8/3/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định số 618/QĐ-UBND chuyển Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Sách - Thiết bị trường học Thanh Hóa. Công ty chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06/02/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 2800230817 ngày 29/05/2009, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 11/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trải qua gần 20 năm hoạt động, Công ty đã có những bước phát triển về quy mô và ngành nghề kinh doanh. Trụ sở chính của Công ty có diện tích 2.070 m², trong đó có Trung tâm Sách và Thiết bị giáo dục có diện tích 1.500 m² phục vụ cho việc bán lẻ và cho thuê văn phòng làm việc. Công ty còn có hệ thống cửa hàng và đại lý phát hành sách có mặt ở tất cả các xã, kể cả các xã vùng sâu, vùng xa.

Về sách, thiết bị và văn hóa phẩm: Mỗi năm Công ty phát hành gần 5.000.000 bản sách, với gần 3 tỷ đồng thiết bị và văn phòng phẩm các loại, đảm

bảo nhu cầu về sách giáo dục cho ngành Giáo dục - Đào tạo và các nhu cầu văn hóa khác cho nhân dân trong tỉnh. Công ty còn mở rộng tiêu thụ thiết bị ở các tỉnh lân cận như: Hà Tĩnh, Quảng Trị... Công ty đã trở thành nhà phân phối sản phẩm giáo dục dẫn đầu tại tỉnh Thanh hóa và các tỉnh lân cận.

Ngoài việc kinh doanh các mặt hàng trên, Công ty còn mở rộng ngành nghề như kinh doanh nông sản, cho thuê văn phòng, vận chuyển hàng hóa, đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhờ có sự tín nhiệm của đông đảo người tiêu dùng, Công ty đã đạt kết quả hoạt động kinh doanh cao, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị cho ngành Giáo dục - Đào tạo trong tỉnh, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

Với sự đóng góp và thành tích của mình, Công ty đã nhận được nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa - Thông tin (cũ), Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Giáo dục Việt Nam, UBND tỉnh Thanh Hóa, cờ thi đua của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, đặc biệt năm 2004 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh:*
 - Kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo nâng cao và các xuất bản phẩm được phép lưu hành (trừ các loại sách và ấn phẩm Nhà nước cấm);
 - Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (trừ các loại Nhà nước cấm), thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
 - Kinh doanh, xuất - nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm
- *Địa bàn kinh doanh:* Trong tỉnh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- *Mô hình quản trị*
 - Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.
 - Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty,

trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

- Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- Ban Giám đốc:

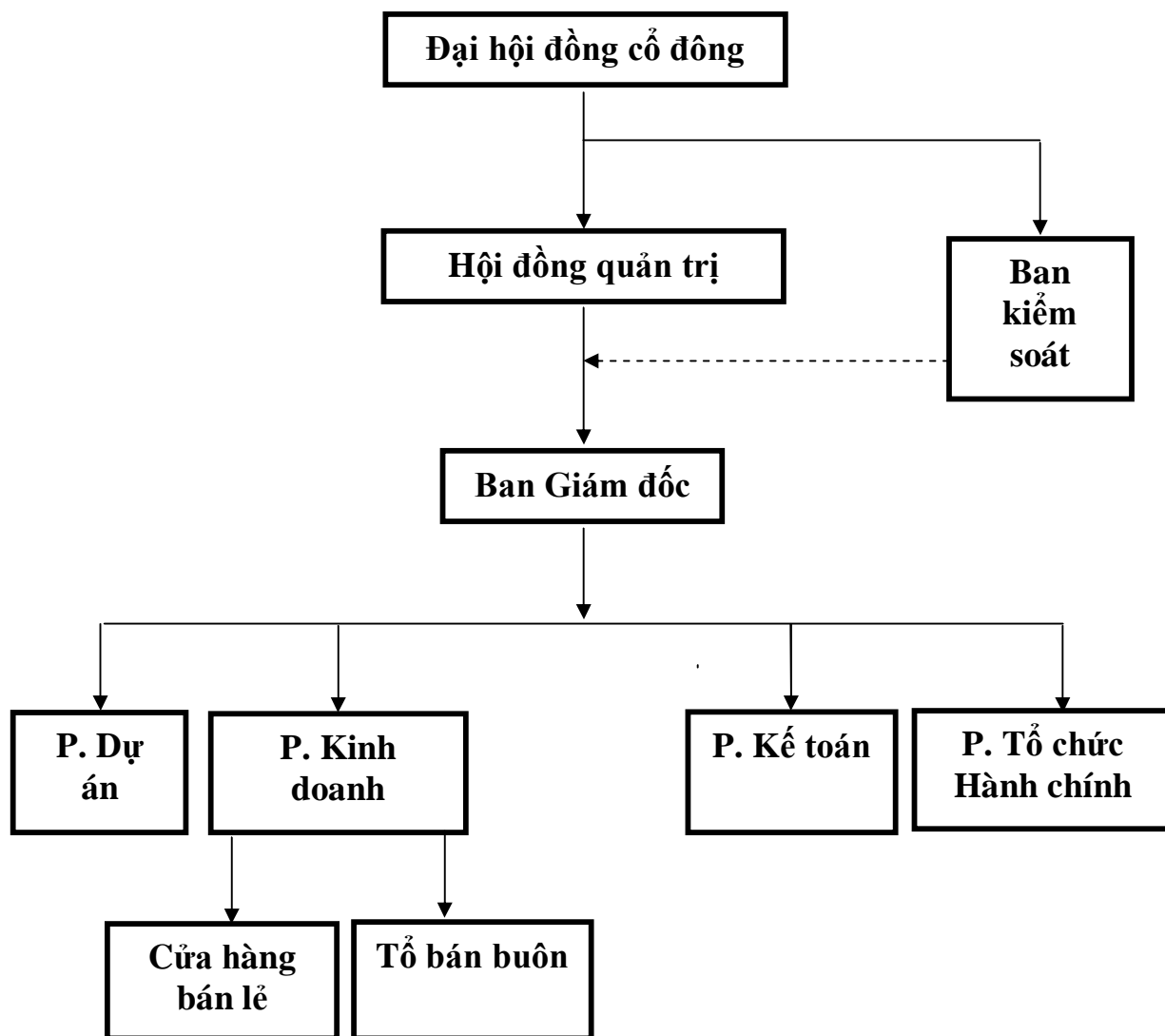
- Giám đốc Công ty: Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên HĐQT. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phó Giám đốc Công ty: Các Phó Giám đốc Công ty giúp việc cho Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

- Kế toán trưởng Công ty: Kế toán trưởng của Công ty giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Các phòng ban chuyên môn: Gồm các phòng, ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Khối tham mưu của Công ty gồm: Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Kinh doanh; Phòng Kế toán; Phòng Dự án với chức năng được quy định như sau:

- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: không

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tiếp tục ổn định và phát triển để hoàn thành tốt nhiệm vụ các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2013.

Triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng sau:

- + Kinh doanh ổn định và phát triển các sản phẩm truyền thống như sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo, thiết bị giáo dục.
- + Tập trung đầu tư và mở rộng thêm một số cửa hàng bán lẻ trong tỉnh.
- + Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, nhân sự...nâng cao vai trò tự chủ và hiệu quả hoạt động tại các bộ phận...

– *Chiến lược phát triển trung và dài hạn*

+ Vẫn tập trung phát triển những ngành nghề chủ đạo hiện có của công ty theo hướng chiều sâu. Ngoài việc kinh doanh các mặt hàng chính của Công ty là sách giáo khoa, Công ty hiện đang tích cực khai thác thêm các loại sách khác của NXBGD, khai thác kinh doanh văn phòng phẩm, thiết bị đồ dùng dạy học ..., từng bước tăng dần tỷ lệ sản phẩm khai thác ngoài, phong phú mặt hàng kinh doanh.

+ Tập trung phát triển chiến lược mở rộng hệ thống các cửa hàng bán lẻ trong tỉnh.

+ Từng bước sản xuất đa dạng các loại thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập trong nhà trường và thiết bị văn phòng.

+ Tiếp tục thực hiện kế hoạch tuyên truyền quảng cáo sản phẩm: hoàn thiện website của Công ty, tổ chức giới thiệu các bộ sách thông qua các đại lý, cửa hàng và nhà sách cũng như thường xuyên gửi danh mục sách đến khách hàng.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường lành mạnh.

Trong nhiều năm qua, Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ đối với xã hội và cộng đồng, chung tay chung sức cùng chính quyền thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho thầy cô giáo nghèo có đóng góp lớn cho ngành, nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia vào các phong trào xã hội hóa giáo dục ...

6. Các rủi ro:

Rủi ro về kinh tế:

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái ... Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của các nhân tố ấy.

Tốc độ phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành nói chung và ngành xuất bản, phát hành, in và các dịch vụ liên quan đến in nói riêng. Khi nền kinh tế có được sự tăng trưởng thì các nhu cầu về giáo dục và dân trí sẽ gia tăng, điều này thúc đẩy sự tăng trưởng cho các hoạt động kinh doanh trong ngành này và ngược lại.

Xét trong thời điểm hiện tại, nền kinh tế Việt Nam đang ở trong giai đoạn bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế giảm gần một nửa so với các năm trước, ở một mức vào khoảng 5% trong năm nay. Tuy nhiên con số này sẽ hứa hẹn được giữ vững và gia tăng trong các năm tiếp theo khi nền kinh tế thế giới hồi phục trở lại. Tuy nhiên, ngành giáo dục đang là một trong những ngành đang được ưu tiên và phát triển trong thời gian

tới. Hơn nữa Việt Nam là nước có tỷ lệ dân số trẻ cao, cho nên nhu cầu đối với giáo dục và đào tạo lớn. Vì vậy, rủi ro về kinh tế của ngành giáo dục nói chung và của công ty nói riêng trong giai đoạn này là không đáng lo ngại và ta có thể coi đây là một trong những yếu tố để đánh giá lại và thúc đẩy sự tăng trưởng cho công ty.

Rủi ro về luật pháp

Là công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Khi niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản dưới luật về thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định còn chưa cao, các quy định còn chồng chéo gây khó khăn cho hoạt động của Công ty nói riêng và của các doanh nghiệp nói chung. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro đặc thù của kinh doanh sách và thiết bị trường học có thể kể tới những rủi ro chính như sau:

Rủi ro chính sách:

Do hoạt động của Công ty phụ thuộc chặt chẽ vào hoạt động của NXB Giáo dục nên thay đổi trong chính sách và quy định của NXB Giáo dục sẽ ảnh hưởng đến Công ty.

Rủi ro hàng tồn kho:

Do mặt hàng sách giáo khoa liên tục có sửa đổi và chỉnh lý nên Công ty có thể gặp khó khăn với lượng hàng tồn kho không thể tiêu thụ hết được từ những năm trước. Do đó nhu cầu vốn lưu động và vòng quay hàng tồn kho có thể biến động nhiều, gây khó khăn cho việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Rủi ro cạnh tranh không lành mạnh:

Hiện nay, tình trạng in lậu sách, sao chép trái phép các ấn phẩm văn hoá là một tệ nạn mà nhà xuất bản nói riêng và toàn ngành phát hành sách nói chung phải gánh chịu. Dù nhiều quy định xử phạt cụ thể đã được đưa ra song tệ nạn này vẫn chưa được giải quyết triệt để. Bằng chứng là sách lậu vẫn bày bán công khai trên đường phố, nhiều đối tượng vẫn ngang nhiên coi thường pháp luật, thách thức dư luận. Tình hình in lậu sách vẫn tràn lan, diễn biến phức tạp và ngày càng có quy mô và thủ đoạn tinh vi hơn. Đáng báo động là tình trạng in lậu sách giáo dục hiện nay rất phổ biến và được bày bán công khai trong các nhà sách, vỉa hè, thậm chí xâm nhập vào cả trường học, gây ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoạ, v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2011 (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	Doanh thu	44,03	48,63	- 9,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	107	268	-60,1%
3	Lợi nhuận sau thuế	107	251	-57,3%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,02	2,39	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012 (tỷ đồng)	Thực hiện 2012 (tỷ đồng)	Thực hiện /KH (%)
1	Doanh thu	46	44	95%
2	Lợi nhuận	1,4	0,107	7,69 %
3	Cổ tức	10%	1,02%	10,2%

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Ông LÊ THẾ SƠN - Thành viên hội đồng quản trị - Giám đốc công ty

- Họ và tên : Lê Thế Sơn
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03- 5-1971
- Nơi sinh : Xã Thiệu Duy, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 171523571
- Quê quán : Xã Thiệu Duy, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

- Địa chỉ thường trú : Số nhà 5/3 phố Trịnh Thị Ngọc Lữ, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học tổng hợp.
- Quá trình công tác
 - Từ 1993 đến 2006 : Nhân viên, Trưởng phòng kinh doanh Thiết bị - Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa.
 - Từ 2006 đến 5/2009 : Phó Giám đốc - Cty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
 - Từ 6/2009 đến nay : Giám đốc - Cty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
- Chức vụ hiện nay : Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Cty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 142.600 cổ phần, chiếm 13,58 % vốn điều lệ.

Ông HÀ ĐÌNH SƠN - Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc

- Họ và tên : Hà Đình Sơn
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 31- 03- 1962
- Nơi sinh : Xã Xuân Thành, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 171572466
- Quê quán : Xã Xuân Thành, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 05 Trịnh Thị Ngọc Lữ, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính.
- Quá trình công tác

- Từ 1982 đến 1984: Cán bộ Phòng Tổ chức - TBXH - UBND huyện Thọ Xuân - tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 1984 đến 8/1985: Kế toán - Xí nghiệp Thiết bị trường học - Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.
- Từ 8/1985 đến 1989: Bộ đội F470 Đắc Lắc.
- Từ 1989 đến 5/2009: Nhân viên, Kế toán trưởng - Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa.
- Từ 6/2009 đến nay : Phó Giám đốc - Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa.
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc - Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 6.300 cổ phần, chiếm 0,6 % vốn điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:
 - Vợ Nguyễn Thị Vân nắm giữ: 2.300 cổ phần, chiếm 0,22 % vốn điều lệ.
 - Bà VŨ THỊ NINH - Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng
- Họ và tên : Vũ Thị Ninh
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 14- 06- 1973
- Nơi sinh : Phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 171630732
- Quê quán : Phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 6/11 Trần Xuân Soạn, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính
- Quá trình công tác
 - Từ 1993 đến 1994: Nhân viên - Công ty công trình xây dựng Giao thông 892

- Từ 1995 đến 5/2009: Nhân viên, Phó phòng Kế toán - Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
- Từ 6/2009 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng - Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 2.000 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lượng công nhân viên của Công ty là 47 người. Trong đó

Số nhân viên nam: 21 người ;

Số nhân viên nữ: 26 người;

Cơ cấu lao động phân theo trình độ lao động như sau:

- Thạc sĩ	02
- Đại học	22
- Cao đẳng	08
- Trung cấp	13
- Lái xe	02

Cùng với hoạt động kinh doanh, Công ty cũng chú trọng công tác xây dựng tổ chức, xây dựng đội ngũ, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được Công ty quan tâm phát triển.

Chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế: Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên đều được tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước.

Công ty đã thực hiện tốt chế độ cấp phát trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc luôn thoáng mát, an toàn, sạch sẽ.

Một số chế độ khác:

Công ty tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên đi học tập nâng cao tay nghề đảm bảo cán bộ công nhân viên nắm bắt tốt quy trình công nghệ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công ty quan tâm tặng quà đến con của CBCNV trong các dịp Tết trung thu, ngày quốc tế thiếu nhi...; tổ chức kỷ niệm, tặng quà các ngày 8/3 và 20/10 động viên các CBCNV nữ. Công ty cũng rất chú trọng chăm lo đến CBCNV nhân dịp các ngày lễ tết trong năm như 1/1; 1/5; 2/9, 20/11 và tết dương lịch, âm lịch.

Các tổ chức đề người lao động tham gia hoạt động : Công ty Có tổ chức Đảng với 20 Đảng viên, có Đoàn thanh niên và Ban chấp hành công đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: không
- b) Các công ty con, công ty liên kết: không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	29.595.400	35.391.817	19,6 %
Doanh thu thuần	48.634.384	44.035.541	-9,4 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-139.504	-271.546	-94,6 %
Lợi nhuận khác	408.381	378.780	-7,2 %
Lợi nhuận trước thuế	268.876	107.608	-60,0 %
Lợi nhuận sau thuế	251.098	107.608	-57,1 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,39	1,02	-57,3 %

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	1,03	

Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,74	0,80	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63,4	69,1	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	173,8	224,2	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,96	7,17	
Doanh thu thuần /Tổng Tài sản	%	164	124	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,52	0,24	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	2,32	0,99	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	%	0,85	0,30	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	-0,28	-0,61	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 1.050.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 1.050.000 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Tổ chức	535.500	51%
1	Trong nước	535.500	51%
2	Nước ngoài	0	0%
II	Cá nhân	514.500	49%
1	Trong nước	514.500	49%
2	Nước ngoài	0	0%
	Tổng	1.050.000	100%

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

Trong năm 2012, Công ty không thực hiện tăng vốn.

d) *Các chứng khoán khác:* Trong năm công ty không có các hình thức chứng khoán khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu Doanh thu: 44.035 triệu đồng đạt 95% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Chỉ tiêu Tổng lợi nhuận trước thuế: 107,6 triệu đồng đạt 7,69% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối: 107,6 triệu đồng đạt 7,96% so với kế hoạch.

Năm 2012 là một năm khó khăn của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa nói riêng. Được thể hiện bằng kết quả là Doanh thu trong năm 2012 giảm 5% so với kế hoạch ĐHĐCĐ đã giao, giảm 9,4% so với năm 2011 là do: Năm 2011, Công ty đã thực hiện một dự án cung ứng sách giáo khoa, tài liệu mầm non và giấy vở học sinh với Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa trị giá 14,5 tỷ đồng, nếu không tính dự án này vào phần doanh thu năm 2011, doanh thu bán hàng năm 2012 tăng 26,8% so với năm 2011.

Việc phát hành sách trái tuyến tăng; một số công ty trong nhà có lợi thế đã phát hành trực tiếp xuống các nhà trường bằng cách tăng chiết khấu phát hành; sức mua của xã hội giảm sút.

Tuy nhiên, năm 2013 công ty sẽ cố gắng tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành để tìm kiếm và khai thác các dự án cho Công ty.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm 2012 của Công ty tăng 5.796 triệu đồng. Chủ yếu là do các khoản phải thu và hàng tồn kho. Bên cạnh việc tăng 2 khoản trên thì tài sản ngắn hạn như tiền và tài sản cố định giảm.

b. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

+ Nợ ngắn hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2012 là 24.476 triệu đồng tăng 30% so với cùng kỳ. Thực tế cuối mỗi năm là thời điểm công ty phải nhập sách học kỳ 2 và thanh toán công nợ sách học kỳ 1 nên khoản vay ngắn hạn ngân hàng và phải trả người bán tăng.

+ Công ty không có khoản nợ phải trả xấu.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* không

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong những năm tiếp theo, ngoài việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của những mặt hàng, thị trường và khách hàng truyền thống, Công ty tập trung mở rộng mạng lưới bán lẻ, tìm khách hàng mới và sản xuất đa dạng thiết bị dạy học. Để thực hiện được kế hoạch này, trước mắt Công ty cần có thêm một khoản vốn dài hạn để đầu tư cửa hàng, nhà xưởng và dây truyền công nghệ phù hợp.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

Công ty chấp thuận toàn phần với ý kiến kiểm toán. Báo cáo kiểm toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao

Năm 2012 kinh tế Việt Nam hết sức khó khăn, tăng trưởng kinh tế suy giảm, lạm phát tăng cao; chính phủ thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát (như tăng lãi suất, giảm mạnh đầu tư công...), lãi suất đã giảm so với năm 2011 nhưng vẫn ở mức cao trung bình ở mức 15-17% /năm. Những khó khăn trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã đề ra được những định hướng và giải pháp để đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên việc kinh doanh của Công ty vẫn còn nhiều hạn chế là do: vốn kinh doanh nhỏ, nguồn vốn dùng cho SXKD chủ yếu là vay từ ngân hàng. Công ty chưa mở rộng ngành nghề kinh doanh, chỉ dừng lại ở kinh doanh sách giáo dục, việc kinh doanh thiết bị giáo dục vẫn còn phụ thuộc nhiều vào các dự án ngân sách.

Đánh giá trên một số mặt cụ thể như sau :

- Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh
 - + Tổng Doanh thu thuần các hoạt động kinh doanh giảm 9,4% so với năm 2011, đạt 95 % so với mức ĐHĐCĐ giao.
 - + Tổng lợi nhuận thực hiện trước thuế là 107 triệu đồng giảm 57,3% so với năm 2011, đạt 7,69% so với mức ĐHĐCĐ giao.
 - + Cổ tức đạt 1,02% đạt 42,7% so với năm 2011, đạt 10,2% so với mức ĐHĐCĐ giao.
- Công tác công bố thông tin và quan hệ với các nhà đầu tư, cổ đông.
 - + Việc công bố thông tin của Công ty luôn được đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của Pháp luật và điều lệ công ty.
 - + Trả lời, giải đáp thắc mắc của các cổ đông một cách chu đáo, đầy đủ.

1.2. Hoạt động của HĐQT :

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và định hướng điều chỉnh kế hoạch kinh doanh linh hoạt, phù hợp với diễn

biến thị trường nhằm tận dụng, khai thác tối đa mọi cơ hội để đạt hiệu quả nhưng đảm bảo an toàn trong kinh doanh và bám sát các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao.

- Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp với đầy đủ 100% thành viên HĐQT tham dự. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất và đồng thuận cao của các thành viên HĐQT.

- Nhìn chung các thành viên của HĐQT được ĐHĐCĐ năm 2012 tín nhiệm bầu ra đều có quá trình thâm niên trong công tác trong ngành giáo dục, có trình độ và kiến thức nhất định trong chuyên môn và phẩm chất chính trị, có năng lực quản trị doanh nghiệp, có sức khỏe và tâm huyết để thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo Công ty đi vào ổn định và phát triển.

- Các thành viên HĐQT đã hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của mình, mọi quyết định đưa ra đều vì lợi ích của Cổ đông và sự phát triển của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2012 là năm đầy khó khăn với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, song Ban Giám đốc đã cố gắng hết sức mình tuy nhiên hiệu quả kinh doanh của công ty vẫn chưa đạt được kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

Mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành đều tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và theo sự chỉ đạo của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2013, theo nhận định của các chuyên gia kinh tế là năm tiếp tục khó khăn, chủ trương của Nhà nước là phát triển kinh tế đi kèm với ổn định kinh tế vĩ mô cho nên về cơ bản tình hình kinh tế, chính trị, xã hội năm 2013 không có gì thay đổi so với năm 2012. Tuy nhiên, Công ty cũng đã tích lũy được những kinh nghiệm cơ bản trong công tác quản lý, kinh doanh, tư duy thị trường, xác lập mối quan hệ v.v. Mỗi CBCNV trong Công ty đã được rèn luyện và có ý thức hơn khi hoạt động trong môi trường của một công ty cổ phần...

Vì vậy, năm 2013, Công ty cần chủ động tìm kiếm khách hàng; sử dụng vốn hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm để khẳng định vị thế của mình là nhà cung cấp chính trên địa bàn; có những thay đổi căn bản về các chính sách; sắp xếp lại nguồn nhân lực gắn kết với thực hiện việc giao chỉ tiêu.

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình kinh tế và đánh giá thực trạng các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, HĐQT đã thống nhất đưa ra một số định hướng triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2013:

- Thường xuyên theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế và hoạt động kinh doanh, bám sát các chỉ đạo của NXBGDVN để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thắng lợi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 với những chỉ tiêu chính và hoạt động trong năm 2013 trình ĐHĐCĐ thông qua như sau :

** Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản dự kiến*

Doanh thu: 46 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế : 1,5 tỷ đồng

Cổ tức : 10%/năm

** Một số nội dung công việc trọng tâm dự kiến thực hiện*

- Tăng cường phát hành sách giáo dục xuống các nhà trường tạo điều kiện cho việc phát hành đến tận tay học sinh, bỏ qua các khâu trung gian như đại lý, phòng giáo dục từ đó tăng doanh thu và giảm bớt phần chiết khấu phải thanh toán.

- Tham mưu cho Sở GD & ĐT trong việc xây dựng thư viện chuẩn, trang bị tủ sách đạo đức, tủ sách pháp luật... cho các nhà trường.

- Giữ ổn định thị trường phát hành sách trên địa bàn, thay đổi cơ chế phát hành phù hợp đối với từng đối tượng.

- Tham gia đấu thầu các dự án cung cấp thiết bị giáo dục.

- Chú trọng việc cung ứng, lắp đặt thiết bị phòng bộ môn, phòng thí nghiệm cho các nhà trường. Coi thiết bị giáo dục là mặt hàng kinh doanh lâu dài.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng cáo sản phẩm để quảng bá thương hiệu của NXBGDVN và công ty.

- Quản lý tốt việc thu hồi công nợ, giảm số dư nợ vay ngân hàng từ đó giảm lãi vay phải trả.

- Quan hệ đối với các đối tác chiến lược, nhà đầu tư, cổ đông : Hợp tác chặt chẽ, toàn diện trên cơ sở cùng cơ lợi với các đối tác chiến lược. Tiếp nhận và xử lý, kịp thời thông tin của các nhà đầu tư. Đảm bảo việc công bố thông tin của Công ty luôn kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của Pháp luật và điều lệ công ty. Trả lời, giải đáp thắc mắc của các cổ đông một cách chu đáo, đầy đủ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Quý Việt	Chủ tịch	Thành viên độc lập
2	Nguyễn Văn Xưởng	Phó Chủ tịch	Thành viên độc lập
3	Lê Thế Sơn	Ủy viên	Thành viên chuyên trách
4	Hà Đình Sơn	Ủy viên	Thành viên chuyên trách
5	Vũ Thị Ninh	Ủy viên	Thành viên chuyên trách

Trong đó danh sách các thành viên độc lập không điều hành:

❖ Ông: Lê Quý Việt - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Họ và tên	Lê Quý Việt
Giới tính	Nam
Ngày sinh	23/3/1963
Địa chỉ thường trú	Khu ĐTM Bình Minh, xã Đông Hương TP Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính
Quá trình công tác	
Từ năm 1986 đến năm 2002	Nhân viên, Kế toán trưởng Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Từ năm 2002 đến năm 2003	Phó Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Từ năm 2003 đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần Nông sản Thanh Hóa
Từ tháng 4 năm 2012 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Số cổ phần	157.500
Cổ phần của những người liên quan	
Vợ: Khuất Thị Lý nắm giữ:	1.200 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

❖ Ông: Nguyễn Văn Xưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Họ và tên	Nguyễn Văn Xưởng
Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/01/1952
Địa chỉ thường trú	Số nhà 20 No3 Khu Đông Bắc Ga, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Văn hóa
Quá trình công tác	
Từ năm 1970 đến năm 1976	Bộ đội
Từ năm 1977 đến năm 1984	Giáo viên
Từ năm 1985 đến năm 1993	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Từ năm 1994 đến năm 1996	Phó Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Từ năm 1997 đến tháng 5/2009	Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Từ tháng 6/2009 đến tháng 4/2012	Chủ tịch HĐQT Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Từ tháng 4/2012 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa
Số cổ phần	3.800
Cổ phần của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

b) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị*: Không có tiểu ban

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2012:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Quý Việt	Chủ tịch	5/6	83%	ốm
2	Ông Nguyễn Văn Xương	Phó Chủ tịch	6/6	100%	
3	Ông Lê Thế Sơn	Ủy viên	6/6	100%	

4	Ông Hà Đình Sơn	Ủy viên	6/6	100%	
5	Bà Vũ Thị Ninh	Ủy viên	6/6	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

T T	Số Biên bản, nghị quyết	Ngày	Nội dung cuộc họp
1	01-2012/ BB-HĐQT	03/01/2012	Thông qua kết quả SXKD năm 2011. Công tác chuẩn bị đại hội.
2	02-2012/ BB-HĐQT	17/02/2012	Thông qua : - Chỉ tiêu tài chính cơ bản. - Triển khai kế hoạch SXKD năm 2012 do NXBGDVN giao.
3	03-2012/ BB-HĐQT	27/03/2012	- Các chỉ tiêu cơ bản năm 2011 đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và một số vấn đề khác - Đơn giá tiền lương năm 2012 - Thù lao HĐQT, BKS năm 2012 - Phương án kiểm toán
4	04-2012/ BB- HĐQT	16/10/2012	- Đánh giá tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2012 - Quyết định là đơn vị thành viên của NXBGDVN
5	05-2012/ BB-HĐQT	04/12/2012	- Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức 2012
6	06-2012/ BB-HĐQT	29/12/2012	- Thông qua kế hoạch công tác cuối năm 2012 - Thông qua quyết toán tổng quỹ lương 2012

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.*

e) *Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.*

2. Ban Kiểm soát

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Chương	Trưởng Ban	3.800	0,36%
2	Nguyễn Đình Văn	Ủy viên	11.200	1,067%
3	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Ủy viên	0	

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

- Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các công việc và nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát :

+ Cuộc họp : Tổng kết công tác năm 2012 của Ban Kiểm soát, Phân công công việc chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2013

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Hội đồng quản trị	Thù lao Hội đồng QT		16.000.000
Thành viên HĐQT và Ban điều hành	Lương cho các thành viên HĐQT và Ban điều hành	185.178.000	220.166.800

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên) :

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Lê Thế Sơn	TV HĐQT	131.500	12,52	142.600	13,58	Mua
2	Hà Đình Sơn	TV HĐQT	2.500	0,24	6.300	0,60	Mua
3	Nguyễn Đình Văn	Ban KS	10.500	1,00	11.200	1,07	Mua
4	Nguyễn Văn Chương	Trưởng ban KS	10.800	1,03	3.800	0,36	Bán

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã hoạt động đúng pháp luật và các quy định về quản trị của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

1. Tại thời điểm 31/12/2012, nợ phải trả Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về cổ phần hóa (2.723.350.709 đồng) chưa được đối chiếu, xác nhận. Công ty cũng chưa xác định và ghi nhận lãi chậm trả từ số nợ nói trên (ước tính khoảng 400 triệu đồng) vào kết quả kinh doanh năm 2012 là chưa đúng quy định của Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính. Lũy kế số lãi chậm trả chưa hạch toán vào chi phí đến ngày 31/12/2012 ước tính khoảng 1.380 triệu đồng.
2. Công ty chưa trích lập đủ các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn. Số trích thiếu so với quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 của Bộ Tài chính là 966.910.369 đồng.
3. Như đã trình bày tại mục (*) của thuyết minh số 13, lợi thế kinh doanh (phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước) chưa được Công ty phân bổ vào vào kết quả kinh doanh năm 2012 là 456.360.653 đồng. Việc hạch toán chi phí như trên là chưa phù hợp quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.206.718.501	19.131.429.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		723.416.422	1.191.435.067
1. Tiền	111	5	723.416.422	1.191.435.067
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.149.807.869	3.587.772.431
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	6.099.352.328	4.665.343.820
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	6	(949.544.459)	(1.077.571.389)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.914.671.027	8.497.743.456
1. Phải thu khách hàng	131		12.441.717.628	7.964.901.046
2. Trả trước cho người bán	132		2.400.747	2.400.667
3. Các khoản phải thu khác	135	7	637.316.025	697.205.116
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(166.763.373)	(166.763.373)
IV. Hàng tồn kho	140		5.588.733.174	5.303.132.266
1. Hàng tồn kho	141	9	5.588.733.174	5.303.132.266
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		830.090.009	551.346.076
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		76.723.933	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	753.366.076	551.346.076
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.185.098.891	10.463.971.677
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.565.255.267	6.854.322.557
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.565.255.267	6.854.322.557
- Nguyên giá	222		7.851.681.159	8.181.686.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.286.425.892)	(1.327.363.602)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.619.843.624	3.609.649.120
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.619.843.624	3.609.649.120
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.391.817.392	29.595.400.973

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.476.422.999	18.787.615.060
I. Nợ ngắn hạn	310		24.476.422.999	18.779.485.055
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	13.900.000.000	8.950.000.000
2. Phải trả người bán	312		7.881.902.553	5.704.282.296
3. Người mua trả tiền trước	313		22.572.873	732.036.510
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	19.280.748	247.365.461
5. Phải trả người lao động	315		115.921.000	77.176.092
6. Chi phí phải trả	316	15	25.274.915	243.523.967
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	2.811.490.720	2.825.100.729
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(300.019.810)	-
II. Nợ dài hạn	330		-	8.130.005
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	8.130.005
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.915.394.393	10.807.785.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	10.915.394.393	10.807.785.913
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	10.500.000.000	10.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	21.823.815	21.823.815
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	34.863.526	34.863.526
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	358.707.052	251.098.572
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.391.817.392	29.595.400.973

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	44.537.312.987	48.705.342.445
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	501.771.942	70.957.858
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	44.035.541.045	48.634.384.587
4. Giá vốn hàng bán	11	20	40.076.677.690	42.259.289.182
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		3.958.863.355	6.375.095.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	515.208.372	515.114.266
7. Chi phí tài chính	22	22	1.734.594.193	2.875.482.859
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.654.934.768	2.293.937.285
8. Chi phí bán hàng	24		812.897.638	2.165.146.634
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.198.125.840	1.989.085.030
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(271.545.944)	(139.504.852)
11. Thu nhập khác	31	23	386.380.160	482.775.493
12. Chi phí khác	32	24	7.600.136	74.394.321
13. Lợi nhuận khác	40		378.780.024	408.381.172
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	107.234.080	268.876.320
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	(374.400)	17.777.748
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	107.608.480	251.098.572
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	102	239

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	39.121.319.030	54.624.364.157
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(39.331.795.864)	(49.620.176.184)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.237.336.964)	(1.323.910.564)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.681.784.768)	(2.419.976.173)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(209.465.014)	(209.839.414)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	519.482.050	847.390.932
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.512.077.086)	(1.525.888.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.331.658.616)	371.964.445
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(34.415.000)	(579.541.490)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	73.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.100.000.000)	(190.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	640.000.000	1.200.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	334.600.426	279.890.915
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.086.360.029)	710.349.425
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.329.708.800	22.500.997.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(28.379.708.800)	(23.795.287.262)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.950.000.000	(1.294.289.762)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(468.018.645)	(211.975.892)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.191.435.067	1.403.410.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	723.416.422	1.191.435.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH Một thành viên Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa) theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06/02/2009 của Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hóa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800230817 ngày 29/05/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 11/11/2009.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo nâng cao và các xuất bản ấn phẩm được phép lưu hành (trừ các loại sách và ấn phẩm nhà nước cấm) (mã ngành 46497);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (trừ các loại nhà nước cấm), thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục (mã ngành 464 465);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học, thiết bị văn phòng (mã ngành 465);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của công ty;
- Đào tạo và liên kết đào tạo (mã ngành 85322);
- Thi công xây dựng công trình dân dụng (mã ngành 410);
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường bộ (mã ngành 4932);
- Đại lý ký gửi hàng hóa (mã ngành 46101);
- Kinh doanh, xuất – nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra. Đối với công cụ dụng cụ được phân bổ tối đa không quá 2 năm.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Đối với hoạt động bán sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất là 5%.
 - ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	412.110.582	486.702.276
Tiền gửi ngân hàng	311.305.840	704.732.791
Cộng	723.416.422	1.191.435.067

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho cá nhân vay	1.800.000.000	340.000.000
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	4.299.352.328	4.325.343.820
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	(949.544.459)	(1.077.571.389)
Cộng	5.149.807.869	3.587.772.431

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Tramexco Thanh Hóa	1.000.000	1.000.000
Cổ tức, lãi dự thu	130.000.000	157.920.000
Phải thu khác	506.316.025	538.285.116
Cộng	637.316.025	697.205.116

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	166.763.373	166.763.373
Cộng	166.763.373	166.763.373

9. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	132.171.597	125.295.563
Chi phí SX, KD dở dang	102.472	-
Hàng hóa	4.473.735.635	4.519.130.127
Hàng gửi đi bán	982.723.470	658.706.576
Cộng	5.588.733.174	5.303.132.266

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	735.595.076	533.575.076
Tiền ký quỹ bảo lãnh hợp đồng	16.151.000	16.151.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.620.000	1.620.000
Cộng	753.366.076	551.346.076

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.412.742.697	11.500.000	623.709.615	133.733.847	8.181.686.159
Mua sắm trong kỳ	34.415.000	-	-	-	34.415.000
T/lý, nhượng bán	-	-	364.420.000	-	364.420.000
Số cuối năm	7.447.157.697	11.500.000	259.289.615	133.733.847	7.851.681.159
Khấu hao					
Số đầu năm	777.865.469	11.500.000	409.863.492	128.134.641	1.327.363.602
Khấu hao trong kỳ	291.954.122	-	25.928.962	5.599.206	323.482.290
T/lý, nhượng bán	-	-	364.420.000	-	364.420.000
Số cuối năm	1.069.819.591	11.500.000	71.372.454	133.733.847	1.286.425.892
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.634.877.228	-	213.846.123	5.599.206	6.854.322.557
Số cuối kỳ	6.377.338.106	-	187.917.162	-	6.565.255.267

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 145.233.847 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã thế chấp để đảm bảo nợ vay là đồng

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	235.168.778	224.974.274
Lợi thế kinh doanh (*)	3.384.674.846	3.384.674.846
Cộng	3.619.843.624	3.609.649.120

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	13.900.000.000	8.950.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	13.900.000.000	8.950.000.000
Cộng	13.900.000.000	8.950.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	18.645.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.777.748	227.617.162
Thuế thu nhập cá nhân	1.503.000	1.102.600
Cộng	19.280.748	247.365.461

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi vay phải trả	-	26.850.000
Chiết khấu thanh toán	-	124.445.007
Chi phí phải trả khác	25.274.915	92.228.960
Cộng	25.274.915	243.523.967

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	32.995.782	46.605.791
Phải trả về cổ phần hoá	2.723.350.709	2.723.350.709
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.144.229	55.144.229
Cộng	2.811.490.720	2.825.100.729

Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2011	10.500.000.000	-	33.044.875	36.373.024	10.569.417.899
Tăng trong năm	-	21.823.815	1.818.651	251.098.572	274.741.038
Giảm trong năm	-	-	-	36.373.024	36.373.024
Số dư tại 31/12/2011	10.500.000.000	21.823.815	34.863.526	251.098.572	10.807.785.913
Số dư tại 01/01/2012	10.500.000.000	21.823.815	34.863.526	251.098.572	10.807.785.913
Tăng trong năm	-	-	-	107.608.480	107.608.480
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	10.500.000.000	21.823.815	34.863.526	358.707.052	10.915.394.393

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	5.355.000.000	5.355.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	5.145.000.000	5.145.000.000
Cộng	10.500.000.000	10.500.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.050.000	1.050.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.050.000</i>	<i>1.050.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.050.000	1.050.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.050.000</i>	<i>1.050.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	251.098.572	36.373.024
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	107.608.480	251.098.572
Phân phối lợi nhuận	-	36.373.024
- <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	<i>21.823.815</i>
- <i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>	-	<i>1.818.651</i>
- <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	<i>12.730.558</i>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	358.707.052	251.098.572

17. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	44.537.312.987	48.705.342.445
+ Doanh thu bán sách và thiết bị trường học	41.670.629.960	46.263.342.445
+ Doanh thu bán hàng nông sản	2.535.397.200	2.442.000.000
+ Doanh thu khác	331.285.827	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	501.771.942	70.957.858
+ Chiết khấu thương mại	418.408.107	-
+ Hàng bán bị trả lại	83.363.835	70.957.858
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.035.541.045	48.634.384.587

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán sách và thiết bị trường học	37.399.403.022	39.878.339.182
Giá vốn bán hàng nông sản	2.381.400.000	2.380.950.000
Giá vốn hàng khác	295.874.668	-
Cộng	40.076.677.690	42.259.289.182

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.740.426	196.990.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	181.940.000	240.820.000
Lãi bán hàng trả chậm	208.527.946	77.303.351
Cộng	515.208.372	515.114.266

20. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	1.654.934.768	2.293.937.285
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	129.707.112	114.658.841
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	466.886.733
Lỗ bán cổ phiếu	77.979.243	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	(128.026.930)	-
Cộng	1.734.594.193	2.875.482.859

21. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập cho thuê văn phòng	145.161.039	234.264.248
Thu phí phát hành sách	152.490.572	-
Thu thanh lý TSCĐ	75.454.545	-
Thu nhập khác	13.274.004	248.511.245
Cộng	386.380.160	482.775.493

22. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nộp phạt thuế	5.600.136	74.141.052
Chi phí thanh lý TSCĐ	2.000.000	-
Chi phí khác	-	253.269
Cộng	7.600.136	74.394.321

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.234.080	268.876.320
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(167.039.864)	(166.678.948)
Điều chỉnh tăng	14.900.136	74.141.052
- Chi phí không hợp lệ	14.900.136	74.141.052
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	181.940.000	240.820.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	181.940.000	240.820.000
Tổng thu nhập chịu thuế	(59.805.784)	102.197.372
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(374.400)	17.777.748
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	25.549.343
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(374.400)	(7.771.595)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	107.608.480	251.098.572

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	107.608.480	251.098.572
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	107.608.480	251.098.572
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.050.000	1.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	102	239

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.283.731	166.182.763
Chi phí nhân công	1.257.712.872	1.284.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	323.482.290	367.402.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	482.672.187	1.071.650.879
Chi phí khác bằng tiền	788.872.398	1.162.368.718
Cộng	3.011.023.478	4.051.605.074

26. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro khi có sự biến động về lãi suất và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc công ty đánh giá rằng Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá hàng hóa đầu vào. Tuy nhiên giá mua các hàng hóa trong lĩnh vực giáo dục là tương đối ổn định trong các năm qua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Phòng Giáo Dục. Do đó Ban Giám đốc Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng và đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	13.900.000.000	-	13.900.000.000
Phải trả người bán	7.881.902.553		7.881.902.553
Chi phí phải trả	25.274.915		25.274.915
Phải trả khác	2.755.494.938		2.755.494.938
Cộng	<u>24.562.672.406</u>	<u>-</u>	<u>24.562.672.406</u>
<u>31/12/2011</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	8.950.000.000	-	8.950.000.000
Phải trả người bán	5.704.282.296		5.704.282.296
Chi phí phải trả	243.523.967		243.523.967
Phải trả khác	2.778.494.938		2.778.494.938
Cộng	<u>17.676.301.201</u>	<u>-</u>	<u>17.676.301.201</u>

Hiện tại Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	723.416.422	-	723.416.422
Phải thu khách hàng	12.274.954.255	-	12.274.954.255
Đầu tư tài chính	5.149.807.869	-	5.149.807.869
Phải thu khác	637.316.025	-	637.316.025
Tài sản tài chính khác	16.151.000	-	16.151.000
Cộng	18.801.645.571	-	18.801.645.571
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.191.435.067	-	1.191.435.067
Phải thu khách hàng	7.798.137.673	-	7.798.137.673
Đầu tư tài chính	3.587.772.431	-	3.587.772.431
Phải thu khác	697.205.116	-	697.205.116
Tài sản tài chính khác	16.151.000	-	16.151.000
Cộng	13.290.701.287	-	13.290.701.287

27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty có thể tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận duy nhất là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính Thanh Hóa, Việt Nam.

28. Các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội (HEMCO)	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Mua hàng		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	14.564.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	31.371.500
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	413.184.885	299.094.052
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	2.611.953.070	852.681.480
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	-	-
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	13.073.500	61.425.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Hà Nội	15.405.410.723	13.237.707.472
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	164.360.760	117.983.520
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội (HEMCO)	18.000.000	78.039.000
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	-	44.925.000
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	17.427.459.278	17.480.847.646

c. Số dư với các bên có liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả người bán		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	31.371.500	57.072.000
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	312.310.120	299.125.235
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	512.701.252	475.748.182
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	670.490	670.490
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	165.028.205	151.954.705
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Hà Nội	5.162.975.798	3.022.792.672
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	99.117.600	172.779.960
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội (HEMCO)	18.000.000	143.593.668
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	24.925.000	44.925.000
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	909.321.880	150.270.606

29. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi AAC.

Đại diện theo pháp luật của Công ty

